

Số: **1190** /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **06** tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà lớp học 06 phòng, trường THCS Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 2533/BGDĐT-DATHCSKKN2 ngày 27/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đầu tư xây dựng công trình trong Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2;

Căn cứ Quyết định số 5156/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt danh mục các trường Trung học cơ sở được đầu tư xây dựng năm 2018 thuộc Dự án Giáo dục Trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2;

Căn cứ Công văn số 10345/UBND-VX ngày 19/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cam kết thực hiện Dự án Giáo dục Trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2;

Căn cứ Công văn số 2009/UBND-CN ngày 24/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các Thông tư của Bộ Xây dựng liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định 68/2019/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1775/SXD-HĐXD ngày 31/3/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà lớp học 06 phòng, trường THCS Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1301/TTr-SGDĐT ngày 29/5/2019 (kèm theo hồ sơ dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà lớp học 06 phòng, trường THCS Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Nhà lớp học 06 phòng trường THCS Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THCS Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô đầu tư:

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 02 tầng (được xây dựng trên nền nhà hiệu bộ, c4 do nhà trường tự phá dỡ), mặt bằng hình chữ nhật kích thước 9,8x27,9m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 10,25m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Tầng 1, 2 cao 3,6m, mặt bằng mỗi tầng bố trí 03 phòng học 40 học sinh; mái chống nóng cao 2,6m; giao thông đứng bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,3m. Lối tiếp cận công trình bằng hệ thống sảnh chính, sảnh phụ 2 bên; sảnh chính kết hợp đường dốc cho người khuyết tật.

Nền, sàn khu vực sảnh, các phòng chức năng lát gạch kích thước 600mmx600mm; mái sảnh lát gạch đất nung kích thước 300mmx300mm; sê nô quét chống thấm; thang bộ, bậc cấp ốp đá grannit tự nhiên, đường dốc lát gạch lá dừa. Tường xây gạch không nung, trát hoàn thiện, lăn sơn trực tiếp. Mái chống nóng lợp tôn trên hệ xà gồ thép hình, tường thu hồi. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ dùng thép đặc 12mmx12mm, 20mmx20mm.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng băng giao thoa BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, tường móng xây gạch kết hợp giằng móng BTCT; Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220mmx350mm, 220mmx600mm; tiết diện cột điển hình 220mmx220mm, 220mmx400mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét: Hệ thống điện được đấu nối từ nguồn điện hiện có của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa. Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) Giải pháp thoát nước: Nước mưa trên mái được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Xung quanh công trình được thiết kế hệ thống rãnh thoát nước nắp đan B300 kết hợp hố ga, thoát nước tự chảy theo độ dốc thiết kế và đấu nối với hệ thống thoát nước khu vực bằng cống BTCT D300.

e) Giải pháp phòng cháy, chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà sử dụng hộp đựng bình chữa cháy, bình chữa cháy, bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy....

f) Giải pháp phòng chống mối: Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.529.890.000 đồng; Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.856.468.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 85.226.618 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 363.957.748 đồng;
- Chi phí khác: 56.147.502 đồng;
- Chi phí dự phòng: 168.089.993 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Vốn vay ADB và vốn đối ứng địa phương.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1775/SXD-HĐXD ngày 31/3/2020 nêu trên. Khi triển khai thi công xây dựng phải có biện pháp kỹ thuật thi công được phê duyệt, đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3QB;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền (b/c);
- PCVP UBND tỉnh Phạm Nguyên Hồng;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Nhà lớp học 06 phòng, trường THCS Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia,
tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: **1190/QĐ-UBND** ngày **06/4/2020** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	TỔNG CỘNG
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD}		2.856.468.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	3,282% x (G _{XD}) Trước VAT	85.226.618
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}	1+...+6	363.957.748
1	Chi phí khảo sát		Quyết định số 600/QĐ-SGDĐT ngày 27/5/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo	98.649.000
2	Chi phí lập Báo cáo KTKT		5,063% x (G _{XD}) Trước VAT	144.622.975
3	Chi phí thẩm tra thiết kế		0,258% x (G _{XD}) Trước VAT	7.369.687
4	Chi phí thẩm tra dự toán		0,25% x (G _{XD}) Trước VAT	7.141.170
5	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT XL (QĐ 79)		0,432% x (G _{XD}) Trước VAT	12.339.942
6	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	G_{GSD}	3,285% x (G _{XD}) Trước VAT	93.834.974
IV	CHI PHÍ KHÁC	G_K	1+...+5	56.147.502
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019)		20% x (G _{GSD}) Trước VAT	17.060.904
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo KTKT		0,019% x TMDT	670.679
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu XL (NĐ 63/2014/NĐ-CP)		0,1% x (G _{XD}) Trước VAT	2.596.789
4	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)		0,08% x (G _{XD}) Trước VAT	2.285.174
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		0,95% x TMDT	33.533.955
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}		168.089.993
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh		(G _{XD} +G _{QLDA} +G _{TV} +G _K) x 5%	168.089.993
	TỔNG CỘNG:	G_{TMDT}	G_{XD}+G_{QLDA}+G_{TV}+G_K+G_{DP}	3.529.889.861
	LÀM TRÒN			3.529.890.000